

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN N1 DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn N1 và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 117, ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Minh N1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 668, ấp S, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn N1: ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Kim N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là xã N), huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa ông N1 và bà N là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài và bỏ mặc nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Kim N có 02 người con chung tên Trần Ngọc Cát Tường, sinh ngày 01/5/2009 và Trần Minh Phúc, sinh ngày 10/02/2011. Hiện cháu Tường và cháu Phúc đang sống với bà N, quá trình nuôi dưỡng, bà N vẫn đảm bảo tốt lợi ích về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tường và cháu Phúc. Ông N1 và bà N thỏa thuận, sau khi ông bà ly hôn, bà N sẽ tiếp tục nuôi con chung là cháu Tường và cháu Phúc, đồng thời cháu Tường và cháu Phúc có nguyện vọng muốn được sống với bà N. Như

vậy, sự thỏa thuận này của ông N1 và bà N phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con” nên Tòa án công nhận giao cháu Tường và cháu Phúc cho bà N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng cho con và mức cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” và khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận...”. Xét thấy, ông N1 và bà N thỏa thuận ông N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Tường, cháu Phúc với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Tường, cháu Phúc đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26/3/2025. Sự thỏa thuận này của ông N1 và đây là phù hợp với quy định pháp luật nên được Tòa án ghi nhận.

[4] Về quyền thăm nom con: theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về việc thay đổi mức cấp dưỡng cho con và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Kim N cùng khai ông bà không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án ghi nhận và không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Tòa án. Do ông bà thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Kim N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Kim N có 02 người con chung tên Trần Ngọc Cát Tường, sinh ngày 01/5/2009 và Trần Minh Phúc, sinh ngày 10/02/2011.

Bà Huỳnh Thị Kim N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Ngọc Cát Tường, sinh ngày 01/5/2009 và Trần Minh Phúc, sinh ngày 10/02/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Trần Minh N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Ngọc Cát Tường, sinh ngày 01/5/2009 và cháu Trần Minh Phúc, sinh ngày 10/02/2011 với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 26/3/2025.

Ông Trần Minh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá N1, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận việc ông Trần Minh N1 và bà Huỳnh Thị Kim N cùng trình bày ông bà không tranh chấp tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Ông Trần Minh N1 phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông N1 đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010407 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ông N1 đã nộp đủ lệ phí.

Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà N đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010406 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Mộng Tuyền

